TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-PT
Ngày 30-3-2023
V/v tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Thia, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về *việc "Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1965 (Có mặt).

3. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1961 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Anh Lê Trường H, sinh năm 1999 (Vắng mặt).

3. Chị Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1980 (Có mặt).

4. Chị Phạm Thị Tú N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

5. Anh Phạm Minh Ng, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

6. Chị Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

7. Chị Võ Ngọc T3, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8. Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9. Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1956 (Có mặt).

10. Anh Võ Công T1, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

11. Anh Võ Minh T2, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12. Chị Võ Thị Mộng T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Ông Lê Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Lê Văn T trình bày:

Cha mẹ của các ông bà là cụ Lê Văn N, sinh năm 1927 (chết năm 1973) và cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1929 (chết năm 2017) có tất cả 06 người con gồm:

1. Bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1948 (chết 1973); có chồng (đã chết) và 05 người con tên: Phạm Thị Trúc L, Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Tú N, Phạm Minh Ng, Phạm Thị Kiều O.

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1957; chết năm 2019; có chồng tên Võ Ngọc T, sinh 1956 và 05 người con tên Võ Ngọc T3, sinh 1979; Võ Minh T2, Võ Công T1; Võ Thị Thúy O; Võ Thị Mộng T.

3. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1961.

4. Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1965.

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1968.

6. Ông Lê Văn H, sinh năm 1972.

Cụ N và cụ M có tạo lập được tài sản gồm các thửa đất: Thửa đất số 26, diện

tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 7.595m^2; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do cụ N chết trước giải phóng nên cụ M đứng tên chủ hộ sử dụng đất các thửa trên; trong hộ có 03 người gồm cụ Nguyễn Thị M, bà Lê Thị N, ông Lê Văn H.

Đến năm 2011 thì các thửa đất trên phát sinh tranh chấp giữa cụ M với vợ chồng ông Lê Văn H, bà Trương Thị Ng. Tòa án đã giải quyết bằng bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 là buộc ông H, bà Ng phải trả lại toàn bộ các thửa đất trên cho hộ cụ Nguyễn Thị M. Đến năm 2017 thì cụ M chết mà không lập di chúc để lại quyền sử dụng đất cho ai.

Nay các nguyên đơn Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, Lê Văn Tr yêu cầu chia tài sản chung các thửa đất số 26, diện tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 7.595m^2; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho cụ Nguyễn Thị M, bà Lê Thị N, ông Lê Văn H mỗi người được hưởng diện tích 4.630m^2 và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 4.630m^2 của cụ Nguyễn Thị M cho 06 người con được hưởng.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:

Khi cụ Nguyễn Thị M còn sống đã cho ông các thửa đất nêu trên có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã H ký xác nhận ngày 15/5/2006. Ông Lê Văn H đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 26, diện tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 7.595m^2; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và sử dụng quản lý đất cho đến nay. Sau đó cụ Nguyễn Thị M kiện đòi đất đến nay mẹ đã chết các anh em kiện đòi chia tài sản chung và chia thừa kế các thửa đất nêu trên, ông H không đồng ý chia.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trương Thị Ng không đồng ý chia, thống nhất theo trình bày của chồng là ông Lê Văn H.

Ông Võ Ngọc T, chị Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Trúc L: Đề nghị Tòa án chia tài sản chung và chia thừa kế phần di sản của bà Nguyễn Thị M theo qui định của pháp luật.

Tại bản án số 23/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, Lê Văn Tr chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất các thửa đất số 26, 27, 29, 642 và thửa đất số 647; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

* Về công nhận quyền sử dụng đất được hưởng:

Công nhận cho bà Lê Thị N được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 5.540m^2 được thể hiện theo sơ đồ thửa đất gồm phần N có diện tích là 2.102m^2 trong đó: 305m^2 thuộc một phần thửa 647 và 1.797m^2 thuộc một phần thửa 642; phần I có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 1.614m^2 thuộc một phần thửa 27; phần M có diện tích là 819m^2 thuộc một phần thửa 647; Phần H có diện tích là 296m^2 thuộc một phần thửa 26; Phần L có diện tích là 709m^2 thuộc thửa 29; cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho ông Lê Văn Tr được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 2.501m^2 được thể hiện theo sơ đồ thửa đất gồm phần G có diện tích là 99m^2 thuộc một phần thửa 647; phần F có diện tích là 1.445m^2 thuộc một phần thửa 27; phần E có diện tích là 01m^2 thuộc một phần thửa 647; phần D có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 484m^2 thuộc một phần thửa 647; phần C có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 472m^2 thuộc một phần thửa 26 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho ông Lê Văn H được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 4.598m^2 trên đất có căn nhà bán kiên cố (máy tol, vách tol, cột bê tông), chuồng trại và cây trái hoa màu trên đất; được thể hiện theo sơ đồ thửa đất gồm phần K có diện tích là 777m^2, trong đó 162m^2 thuộc một phần thửa 646 và 615m^2 thuộc một phần thửa 647; phần B có diện tích là 3.821m^2 trong đó 104m^2 thuộc một phần thửa 646 và 3.717m^2 thuộc một phần thửa 647 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, Lê Văn Tr và Lê Văn H được hưởng quyền sử dụng và quản lý phần đất mộ và lối đi chung; được thể hiện theo sơ đồ thửa đất gồm phần A có diện tích là 827m^2 thuộc một phần thửa 647 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

(Kèm theo sơ đồ khu đất theo Công văn số 411/CNHCT ngày 06/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C).

* Về hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất:

Buộc bà Lê Thị N hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho ông Lê Văn H với số tiền 152.156.400đ.

Buộc bà Lê Thị N phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho bà Lê Thị Ánh T với số tiền 14.460.400đ.

Buộc ông Lê Văn Tr phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Ánh T với số tiền 92.320.800đ.

Buộc ông Lê Văn Tr phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho hàng thừa kế thế vị của bà Lê Thị Kim A (gồm Phạm Thị Trúc L, Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Tú N, Phạm Minh Ng, Phạm Thị Kiều O) với số tiền 106.781.400đ.

Buộc ông Lê Văn Tr phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho hàng thừa kế thế vị của bà Lê Thị C (gồm Võ Ngọc T, Võ Công T1, Võ Minh T2, Võ Thị Mộng T, Võ Ngọc T3) với số tiền 106.781.400đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi do chậm trả, chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 16/6/2022 ông Lê Văn H kháng cáo yêu cầu Toà án phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc ông phải chia các thửa đất số 26, 27, 29, 642 và thửa 647 cùng tờ bản đồ số 3 toạ lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế, đất tranh chấp toạ lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên Toà án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 1996 Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng các thửa đất số 26, 27, 28, 29, 30 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho hộ cụ Nguyễn Thị M. Năm 2006 ông Lê Văn H được điều chỉnh trang tư đứng tên quyền sử dụng đối với các thửa đất trên theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị M với ông Lê Văn H. Năm 2011 phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đối với các thửa đất số 26, 27, 28, 29, 30 cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh giữa cụ M với ông H, bà Ng. Vụ án đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành chấp nhận toàn bộ yêu cầu của cụ M: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 20.630m^2 thuộc các thửa đất số 26, 27, 28, 29, 30 từ cụ M sang ông H;... Buộc ông

H, bà Ng có nghĩa vụ giao trả cho hộ cụ M diện tích 12.900m^2 đất thuộc các thửa đất số 26, diện tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 6.605m^2 (còn 990m^2 có nhà ông H ở cho ông H tiếp tục sử dụng). Sau khi xét xử cụ M, ông H, bà Ng không kháng cáo, bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét thấy các đương sự ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, ông Võ Văn T, ông Lê Văn H, bà Trương Thị Ng đều thừa nhận các thửa đất số 26, diện tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 7.595m^2; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh mặc dù được cấp quyền sử dụng cho hộ cụ Nguyễn Thị M nhưng có nguồn gốc là của cụ Lê Văn N, cụ Nguyễn Thị M tạo lập nên, những người con không có đóng góp để tạo lập những tài sản này, lẻ ra cần xác định toàn bộ các thửa đất này là di sản của cụ N, cụ M để lại và chia thừa kế cho những người con của cụ N, cụ M mà không chia thành viên hộ. Tuy nhiên bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử giao trả các thửa đất lại cho hộ cụ Nguyễn Thị M, bản án xét xử xong không có kháng cáo không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Bản án số 23/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã căn cứ vào bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 công nhận các thửa đất là tài sản chung của hộ để giải quyết chia tài sản chung cho thành viên hộ gồm cụ M, bà N, ông H, sau đó phân chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Nguyễn Thị M đã gây ảnh hưởng quyền lợi hàng thừa kế của cụ N, cụ M như ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Ánh T, bà Lê Thị Kim A, bà Lê Thị C. Tuy nhiên sau khi xét xử xong, bản án đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự trong vụ án nhận nhưng chỉ có ông Lê Văn H kháng cáo, các đương sự còn lại không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi ý kiến ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Ánh T và hàng thừa kế của bà Lê Thị Kim A, bà Lê Thị C cũng thống nhất theo bản án sơ thẩm đã tuyên chia tài sản chung cho thành viên hộ cụ Nguyễn Thị Mvà sau đó chia thừa kế đối với phần di sản của cụ M.

[4] Đối với kháng cáo của ông Lê Văn H cho rằng các thửa đất trên cụ M đã cho ông nhưng bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 đã tuyên xử giao trả các thửa đất về cho hộ cụ Nguyễn Thị M, ông H, bà Ng không có kháng cáo, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh từ tháng 11/2015 đến trước khi mất, cụ M có tặng cho đất cho ông nên kháng cáo của ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tuy bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 có nhận định cho ông H, bà Ng có quyền khởi kiện yêu cầu chi phí cải tạo đất. Tòa án sơ thẩm khi giải quyết vụ án chia tài sản chung và chia thừa kế đã tính công sức đóng góp, quản lý, gìn giữ tài sản cho ông H được hưởng là 990m^2, không tính công sức cải tạo đất, tuy nhiên ngoài một suất thừa kế được nhận ông H còn được phân chia một phần ba tài sản chung của hộ cụ M, nhiều hơn so với công sức cải tạo đất, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc không tính công sức cải tạo đất cũng không ảnh hưởng đến quyền

lợi của ông H.

[6] Theo hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2011 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-CCTHA ngày 15/9/2011 về cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H, bà Trương Thị Ng thuộc các thửa đất số 26, diện tích 768m^2; thửa đất số 27, diện tích 3.035m^2; thửa đất số 29, diện tích 708m^2; thửa đất số 642, diện tích 1.784m^2; thửa đất số 647, diện tích 7.595m^2; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bản án số 28/2015/DSST ngày 06/11/2015 không đưa Chi cục Thi hành án dân sự huyện C vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng, tuy nhiên sau khi xét xử, cơ quan thi hành án cũng không có khiếu nại, hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật. Khi xét xử vụ án này, cấp sơ thẩm cũng không đưa Chi cục Thi hành án dân sự huyện C vào tham gia tố tụng, tại Công văn số 209/CV-CCTHADS ngày 16/12/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C cũng không có ý kiến đối với kết quả giải quyết theo bản án số 23/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[7] Tài sản chung của hộ cụ M gồm các thửa đất số 26, 27, 29, 642, 647 có tổng diện tích 13.466m^2, trừ phần đất mộ và lối đi chung diện tích 827m^2, trừ công sức đóng góp, quản lý, gìn giữ tài sản cho ông H là phần đất xung quanh nhà và căn nhà diện tích 990m^2, phần diện tích đất còn lại là 11.649m^2 chia 3 phần cho ba thành viên hộ là cụ Nguyễn Thị M, bà Lê Thị N, ông Lê Văn H mỗi người được hưởng là 3.883m^2. Phần di sản của cụ Nguyễn Thị M là diện tích 3.883m^2 được chia đều cho 06 người con Lê Văn Tr, Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, Lê Thị Kim A, Lê Thị C và Lê Văn H, mỗi người được hưởng 647,16m^2. Bà A chết 1992 và bà C chết 2019 nên phần thừa kế sẽ để lại cho chồng và các con theo qui định của pháp luật. Do hiện trạng sử dụng các thửa đất là khu nhà ông H đang ở và ao nuôi tôm chia thành 02 ao lớn có bờ ranh giữ nước ao nuôi tôm, cống thoát nước, không thể chia nhỏ lẻ ra để hưởng theo hiện vật nên cấp sơ thẩm chia phần đất có nhà cho ông H và diện tích theo từng vuông nuôi tôm cho bà N, ông Tr là có cơ sở. Ông Tr, bà N phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các thừa kế còn lại.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tuy nhiên đối với ông H, bà N mỗi người được chia diện tích đất 4.530,16m^2 tương ứng giá trị 747.476.400 đồng, cấp sơ thẩm tính án phí 5% trên số tiền này, trong đó có phần 347.476.400 đồng vượt quá 400.000.000 đồng là chưa đúng theo hướng dẫn tại Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Tòa án cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[9] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DSST ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, bà Lê Thị Ánh T, ông Lê Văn Tr yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất các thửa đất số 26, 27, 29, 642 và thửa đất số 647; cùng tờ bản đồ số 3; tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chia cho bà Lê Thị N được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 5.540m^2 được thể hiện tại sơ đồ thửa đất theo Công văn số 411/CNHCT ngày 06/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C gồm các phần N, I, M, H, L cụ thể: Phần N (điểm 5, 25, 24, 23, 22, 21, 38) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 2.102m^2 (trong đó: 305m^2 thuộc một phần thửa 647 và 1.797m^2 thuộc một phần thửa 642); Phần I (điểm 22, 23, 24, 33) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 1.614m^2 thuộc một phần thửa 27; Phần M (điểm 6, 7, 8, 30, 31, 34, 36, 37, 35, 32, 33, 24, 25) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 819m^2 thuộc một phần thửa 647; Phần H (điểm 31, 32, 35, 34) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 296m^2 thuộc một phần thửa 26; Phần L (điểm 34, 35, 36, 37) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 709m^2 thuộc thửa 29; các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Chia cho ông Lê Văn Tr được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 2.501m^2 được thể hiện tại sơ đồ thửa đất theo Công văn số 411/CNHCT ngày 06/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C gồm các phần G, F, E, D, C cụ thể: Phần G (điểm 18, 20, 21, 22) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 99m^2 thuộc một phần thửa 647; Phần F (điểm 17, 18, 22, 33, 29) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 1.445m^2 thuộc một phần thửa 27; Phần E (điểm 17, 18, 19) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 01m^2 thuộc một phần thửa 647; Phần D (điểm 16,17, 29, 33, 32, 28, 27, 31, 30) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 484m^2 thuộc một phần thửa 647; Phần C (điểm 27, 28, 32, 31) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 472m^2 thuộc một phần thửa 26; các thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Chia cho ông Lê Văn H được hưởng quyền sử dụng diện tích đất 4.598m^2 trên đất có căn nhà bán kiên cố (máy tol, vách tol, cột bê tông), chuồng trại và cây trái hoa màu trên đất; được thể hiện tại sơ đồ thửa đất theo Công văn số 411/CNHCT ngày 06/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C gồm các phần K, B cụ thể: Phần K (điểm 9, 10, 11, 26) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 777m^2, (trong đó 162m^2 thuộc một phần thửa 646 và 615m^2 thuộc một phần thửa 647); Phần B (điểm 11, 13, 14, 15, 16, 30, 8, 9, 26) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 3.821m^2 (trong đó 104m^2 thuộc một phần thửa 646 và

3.717m^2 thuộc một phần thửa 647); các thửa đất cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Giao cho bà Lê Thị N, Lê Thị Ánh T, Lê Văn Tr và Lê Văn H được quyền sử dụng và quản lý phần đất mộ và lối đi chung; được thể hiện tại sơ đồ thửa đất theo Công văn số 411/CNHCT ngày 06/6/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C tại phần A (điểm 1, 2, 3, 4, 38, 21, 20, 18, 19, 17, 16, 15, 14, 13, 12) có diện tích đo đạt theo hiện trạng là 827m^2 thuộc một phần thửa 647 tờ bản đồ số 3 tọa lạc ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo quyết định của bản án.

7. Buộc bà Lê Thị N phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất chênh lệch cho ông Lê Văn H với số tiền 152.156.400đ *(Một trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm đồng).*

8. Buộc bà Lê Thị N phải thanh toán cho bà Lê Thị Ánh T số tiền 14.460.600đ *(Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng)*.

9. Buộc ông Lê Văn Tr phải thanh toán cho bà Lê Thị Ánh T số tiền 92.320.800đ *(Chín mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng)*.

10. Buộc ông Lê Văn Tr phải thanh toán cho hàng thừa kế của bà Lê Thị Kim A (gồm Phạm Thị Trúc L, Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Tú N, Phạm Minh Ng, Phạm Thị Kiều O) với số tiền 106.781.400đ *(Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm đồng).*

11. Buộc ông Lê Văn Tr phải thanh toán cho hàng thừa kế của bà Lê Thị C (gồm Võ Ngọc T, Võ Công T1, Võ Minh T2, Võ Thị Mộng T, Võ Ngọc T3, Võ Thị Thúy O) với số tiền 106.781.400đ (*Một trăm lẻ sáu triệu bảy trăm tám mươi một ngàn bốn trăm đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

12. Về chi phí thẩm định, định giá là 15.000.000đ bà Lê Thị N đã nộp tạm ứng và đã chi xong. Buộc ông Lê Văn Tr, Lê Thị Ánh T, Lê Thị N, Lê Văn H, hàng thừa kế của bà Lê Thị Kim A (gồm Phạm Thị Trúc L, Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Tú N, Phạm Minh Ng, Phạm Thị Kiều O) và hàng thừa kế bà Lê Thị C (gồm Võ Ngọc T, Võ Công T1, Võ Minh T2, Võ Thị Mộng T, Võ Ngọc T2) mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng, để hoàn trả lại cho bà Lê Thị N.

13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N phải chịu số tiền 33.899.000 đồng được trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006664 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà Lê Thị N phải tiếp tục nộp 30.899.000 đồng.

Bà Lê Thị Ánh T phải chịu số tiền 5.339.000 đồng được trừ vào số tiền 750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006662 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà Lê Thị Ánh T phải tiếp tục nộp 4.589.000 đồng.

Ông Lê Văn Tr phải chịu số tiền 5.339.000 đồng, do ông Tr là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn Tr số tiền 750.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006663 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chị Phạm Thị Trúc L, Phạm Thị Cẩm T, Phạm Thị Tú N, Phạm Minh Ng, Phạm Thị Kiều O phải chịu số tiền 5.339.000 đồng.

Ông Võ Ngọc T, Võ Công T1, Võ Minh T2, Võ Thị Mộng T, Võ Ngọc T3 phải chịu số tiền 5.339.000 đồng. Do ông Võ Ngọc T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn 1/5 án phí dân sự sơ thẩm cho ông T. Còn lại Võ Công T1, Võ Minh T2, Võ Thị Mộng T, Võ Ngọc T3 phải chịu 4.271.200 đồng.

Ông Lê Văn H phải chịu số tiền 33.899.000 đồng.

14. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011955 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, ông H đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan